

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Triển

2. Ông Mai Hòa Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thị Bé T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà S, tổ 14, ấp B, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã B, huyện, tỉnh An Giang; Tạm trú: Số nhà X, tổ 14, ấp, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2018, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Bé T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bé T và anh Nguyễn Văn H được mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1998 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng trong cuộc sống, anh H sinh ra ăn chơi, không chăm chỉ thú làm ăn ..., từ đó vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ đầu năm 2018, chị ly thân với anh H cho đến nay. Chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 22/10/1999 và Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 28/4/2006. Cháu H1 đã trưởng thành nên sau khi ly hôn chị Thảo yêu cầu được nuôi cháu T1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh chị chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục chứ không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, anh H và chị T không có cự cãi hay có mâu thuẫn lớn. Anh H thừa nhận có chơi cờ bạc nhưng vẫn làm ăn lo cho gia đình. Tuy nhiên, chị T cương quyết ly hôn thì anh H vẫn đồng ý.

- Về con chung: Anh H thống nhất anh và chị T có hai con chung là Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 22/10/1999 và Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 28/4/2006. Sau khi vợ chồng anh chị ly hôn, các cháu có nguyện vọng được chung sống với ai thì người đó nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Nguyễn Văn H hiện đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu tại ấp H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

2.1 Về hôn nhân: Chị T và anh H đều trình bày, anh chị có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cũng xác nhận chị T và anh H chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn, không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn tại hồ sơ lưu hộ tịch. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T và anh H không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị T và anh H là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Chị T và anh H đều trình bày anh chị có hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 22/10/1999 và Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 28/4/2006. Hiện nay, cháu H1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, cháu T1 trình bày có nguyện vọng được sống với chị T, chị T và anh H đều thống nhất theo ý kiến của con. Căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh H phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H đều thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bé T.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Bé T và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Bé T và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Thị Diễm H1, sinh ngày 22/10/1999 và Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 28/4/2006. Cháu H1 đã trưởng thành và có khả năng lao động, giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bé T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003418 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Bé T và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/8/2018).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Giao